

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 34

00
CỔ
ĐẠI
ĐẠI
VIỆ
/G L

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2013
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 563 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 08 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 34. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.203.995.556.932	6.041.065.689.804
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.629.375.858.166	4.070.456.552.343
1. Tiền	111		292.521.273.791	295.456.552.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.336.854.584.375	3.775.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		62.077.046.183	202.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	62.077.046.183	202.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		193.727.961.781	464.355.369.431
1. Phải thu khách hàng	131		46.193.553.961	155.810.424.409
2. Trả trước cho người bán	132		99.202.374.921	151.559.520.332
3. Các khoản phải thu khác	135	7	167.629.100.188	166.322.266.639
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(119.297.067.289)	(9.336.841.949)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.171.461.225.102	1.160.376.913.208
1. Hàng tồn kho	141		1.185.926.007.092	1.170.599.773.156
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.464.781.990)	(10.222.859.948)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		147.353.465.700	143.876.854.822
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	14.612.294.547	13.029.055.831
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		119.646.969.320	119.527.971.996
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	19	9.707.085.668	304.805.911
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.387.116.165	11.015.021.084
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		3.376.516.357.645	3.254.096.938.186
I. Tài sản cố định	220		2.371.391.919.866	2.236.412.726.375
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.169.727.617.877	1.217.649.752.564
- Nguyên giá	222		6.935.645.827.376	6.791.323.544.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.765.918.209.499)	(5.573.673.791.875)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	770.897.635.112	714.774.274.574
- Nguyên giá	228		965.237.358.073	896.988.754.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(194.339.722.961)	(182.214.479.449)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	430.766.666.877	303.988.699.237
II. Bất động sản đầu tư	240	13	295.672.318.252	221.618.684.934
- Nguyên giá	241		314.461.627.556	233.281.835.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(18.789.309.304)	(11.663.150.234)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		574.627.123.255	502.220.263.326
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	491.002.055.334	458.628.905.405
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	83.625.067.921	43.591.357.921
IV. Tài sản dài hạn khác	260		134.824.996.272	293.845.263.551
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	79.125.106.047	279.019.910.904
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	55.406.634.581	14.662.058.447
3. Tài sản dài hạn khác	268		293.255.644	163.294.200
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.580.511.914.577	9.295.162.627.990

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.415.021.259.303	883.206.119.407
I. Nợ ngắn hạn	310		1.395.987.574.865	864.476.078.937
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	27.737.630.442	9.205.641.372
2. Phải trả người bán	312		398.388.337.713	323.540.578.949
3. Người mua trả tiền trước	313		212.836.496.895	12.012.772.578
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	123.907.690.077	106.975.226.211
5. Phải trả người lao động	315		75.424.999.435	89.278.373.094
6. Chi phí phải trả	316	20	305.890.305.764	199.235.356.613
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		47.360.732.842	33.865.995.534
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		488.925.484	56.022.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		203.952.456.213	90.306.112.586
II. Nợ dài hạn	330		19.033.684.438	18.730.040.470
1. Phải trả dài hạn khác	333		6.024.588.791	4.653.070.992
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	8.477.046.183	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		124.227.166	9.123.440.123
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.217.086.359	4.868.527.582
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		190.735.939	85.001.773
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		8.959.929.478.972	8.227.079.406.507
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	8.959.929.478.972	8.227.079.406.507
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		977.787.044	977.787.044
3. Cổ phiếu quỹ	414		(85.447.473.262)	(83.961.341.647)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(70.094.992.992)	(74.411.767.146)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.525.430.471.223	1.420.380.501.371
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		812.944.724.326	494.715.910.705
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		765.696.521	554.153.469
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.975.353.266.112	2.668.824.162.711
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	205.561.176.302	184.877.102.076
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		10.580.511.914.577	9.295.162.627.990

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại

- USD

- EUR

2.774.200

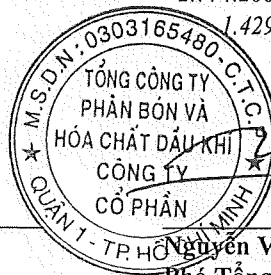
1.429

7.272.812

19.864

Nguyễn Lê Ngọc Giang
Người lập biểu

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

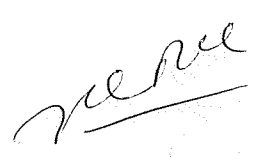
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

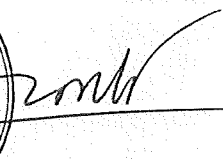
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.433.862.003.557	9.278.861.379.142
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		112.009.948.586	52.327.770.303
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	13.321.852.054.971	9.226.533.608.839
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	8.997.366.453.504	5.191.254.632.483
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.324.485.601.467	4.035.278.976.356
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	568.346.314.499	526.679.442.074
7. Chi phí tài chính	22	28	7.002.744.862	74.038.067.805
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.548.926.458	27.900.441.399
8. Chi phí bán hàng	24		637.118.953.465	492.836.265.735
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		673.970.690.947	502.603.306.568
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		3.574.739.526.692	3.492.480.778.322
11. Thu nhập khác	31		16.462.436.717	9.447.874.142
12. Chi phí khác	32		1.455.767.342	2.192.187.845
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		15.006.669.375	7.255.686.297
14. (Lỗ)/Lợi nhuận từ công ty liên kết	45		(47.696.642.825)	10.503.381.175
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		3.542.049.553.242	3.510.239.845.794
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	515.146.700.002	369.042.805.384
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(40.744.576.134)	584.880.162
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.067.647.429.374	3.140.612.160.248
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		50.796.229.783	36.318.726.268
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		3.016.851.199.591	3.104.293.433.980
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	7.990	8.220


 Nguyễn Lê Ngọc Giang
 Người lập biểu

Ngày 08 tháng 3 năm 2013


 Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

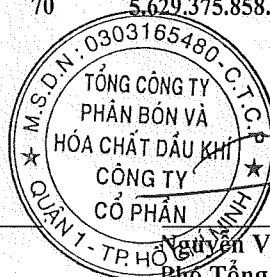
CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.542.049.553.242	3.510.239.845.794
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	212.835.006.048	190.196.427.163
Các khoản dự phòng	03	114.202.147.382	6.796.988.515
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	327.161.230	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(519.131.152.776)	(529.728.699.362)
Chi phí lãi vay	06	1.548.926.458	27.900.441.399
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.351.831.641.584	3.205.405.003.509
Thay đổi các khoản phải thu	09	160.094.128.802	(134.819.285.194)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(15.326.233.936)	(495.824.911.126)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	384.175.888.258	(27.994.337.978)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	205.939.471.060	32.333.087.482
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.548.926.458)	(27.900.441.399)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(493.754.715.175)	(359.489.042.056)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	128.451.200.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(311.868.851.994)	(195.495.058.471)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.279.542.402.141	2.124.666.214.767
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(372.106.404.365)	(781.684.768.892)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	409.663.636	205.570.669
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(342.382.830.000)	(143.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	305.305.783.817	30.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(23.131.710.000)	(309.000.000.000)
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	566.529.951.571	492.205.217.530
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	134.624.454.659	(711.773.980.693)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(14.180.236.055)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	83.578.719.748	166.650.500.511
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(56.569.684.495)	(489.153.020.242)
4. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(1.881.929.425.000)	(753.064.360.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.854.920.389.747)	(1.089.747.115.786)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.559.246.467.053	323.145.118.288
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.070.456.552.343	3.748.457.003.885
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(327.161.230)	(1.145.569.830)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.629.375.858.166	4.070.456.552.343

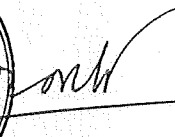


Nguyễn Lê Ngọc Giang
Người lập biểu



Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Công ty mẹ - Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Tp. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Tp. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Tp. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Tp. Hồ Chí Minh	81	81	Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	51	Sản xuất bao bì

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) số tiền 110.143.267.289 đồng (bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng). Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng đối với toàn bộ khoản phải thu này.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Công trình kiến trúc	25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 6 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2007. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi phí lợi thế kinh doanh đã được phân bổ toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này tại ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư trước hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX) - Công ty liên kết của Tổng Công ty, được ghi nhận trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" theo tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết này với số tiền lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 68.049.986.579 đồng, và sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian tối đa là 5 năm kể từ ngày PVTEX chính thức vận hành thương mại.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.219.544.986	2.501.956.305
Tiền gửi ngân hàng	291.301.728.805	292.954.596.038
Các khoản tương đương tiền	5.336.854.584.375	3.775.000.000.000
	<u>5.629.375.858.166</u>	<u>4.070.456.552.343</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với lãi suất từ 8%/năm đến 14%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	53.600.000.000	25.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	-	177.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (PVFC SG)	8.477.046.183	-
	<u>62.077.046.183</u>	<u>202.000.000.000</u>

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất từ 10%/năm đến 13%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	-	80.000.000.000
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	48.753.979.736	57.249.279.741
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	110.143.267.289	-
Khác	8.731.853.163	29.072.986.898
	<u>167.629.100.188</u>	<u>166.322.266.639</u>

Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFI") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ khoản phải thu này.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	178.255.480.490	69.823.891.556
Nguyên liệu, vật liệu	450.193.732.792	323.011.367.715
Công cụ, dụng cụ	9.459.673.251	4.937.805.436
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.736.222.678	54.089.522.986
Thành phẩm	363.035.130.445	132.282.869.306
Hàng hóa	142.245.767.436	586.454.316.157
	1.185.926.007.092	1.170.599.773.156
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.464.781.990)	(10.222.859.948)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.171.461.225.102	1.160.376.913.208

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm tài sản	10.792.388.054	11.003.395.240
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.819.906.493	2.025.660.591
	14.612.294.547	13.029.055.831

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	1.312.232.636.935	5.314.479.094.091	85.027.007.916	79.584.805.497	6.791.323.544.439
Mua trong năm	28.382.915.698	41.058.618.619	16.868.863.231	29.861.289.049	116.171.686.597
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	96.127.216.268	-	-	-	96.127.216.268
Tặng khác	1.106.411.220	-	4.579.168.547	-	5.685.579.767
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(72.210.344.963)	-	-	-	(72.210.344.963)
Thanh lý	-	(19.357.360)	(420.042.473)	(1.012.454.899)	(1.451.854.732)
Phân loại lại	(42.018.288)	55.181.386	-	(13.163.098)	-
Tại ngày 31/12/2012	1.365.596.816.870	5.355.573.536.736	106.054.997.221	108.420.476.549	6.935.645.827.376
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	602.888.029.559	4.878.760.979.824	58.699.147.099	33.325.635.393	5.573.673.791.875
Khấu hao trong năm	61.985.270.787	100.452.813.340	6.966.429.314	25.240.143.312	194.644.656.753
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(1.110.303.287)	-	-	-	(1.110.303.287)
Thanh lý	-	(797.594)	(283.008.340)	(1.006.129.908)	(1.289.935.842)
Tại ngày 31/12/2012	663.762.997.059	4.979.212.995.570	65.382.568.073	57.559.648.797	5.765.918.209.499
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	701.833.819.811	376.360.541.166	40.672.429.148	50.860.827.752	1.169.727.617.877
Tại ngày 31/12/2011	709.344.607.376	435.718.114.267	26.327.860.817	46.259.170.104	1.217.649.752.564

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 5.316.603.642.980 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 5.335.434.384.183 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ với giá trị còn lại là 34.196.791.943 đồng đã được thế chấp để bảo đảm cho các hợp đồng vay ngắn, dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (xem Thuyết minh 18 và 21).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	671.084.640.347	171.441.137.057	44.527.780.223	9.935.196.396	896.988.754.023
Mua trong năm	8.385.816.571	-	332.082.000	400.000.000	9.117.898.571
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	68.453.089.204	-	619.254.720	-	69.072.343.924
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(9.714.364.000)	-	-	-	(9.714.364.000)
Thanh lý	-	-	(20.000.000)	-	(20.000.000)
Giảm khác	(178.024.445)	-	(29.250.000)	-	(207.274.445)
Tại ngày 31/12/2012	738.031.157.677	171.441.137.057	45.429.866.943	10.335.196.396	965.237.358.073
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	202.192.133	161.582.221.870	10.878.245.839	9.551.819.607	182.214.479.449
Khấu hao trong năm	490.890.455	2.464.728.796	9.063.255.753	155.618.508	12.174.493.512
Thanh lý	-	-	(20.000.000)	-	(20.000.000)
Giảm khác	-	-	(29.250.000)	-	(29.250.000)
Tại ngày 31/12/2012	693.082.588	164.046.950.666	19.892.251.592	9.707.438.115	194.339.722.961
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	737.338.075.089	7.394.186.391	25.537.615.351	627.758.281	770.897.635.112
Tại ngày 31/12/2011	670.882.448.214	9.858.915.187	33.649.534.384	383.376.789	714.774.274.574

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 168.932.621.106 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 168.842.111.106 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kho Cảng Cái Cui - Cần Thơ	235.149.280.732	122.575.593.205
Kho An Giang	-	39.233.289.888
Kho Nam Phát - Tiền Giang	-	34.854.969.899
Kho Gia Lai	-	25.242.660.028
Dự án Amoniac	44.003.993.921	24.397.090.908
Kho Tây Ninh	23.268.818.182	15.126.000.000
Kho Đà Nẵng	22.875.662.950	61.818.182
Công trình 43 Mạc Đĩnh Chi	-	5.732.174.223
Nhà ở Cán bộ công nhân viên	36.148.525.618	-
Các công trình khác	69.320.385.474	36.765.102.904
	430.766.666.877	303.988.699.237

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	74.784.152.000	158.497.683.168	233.281.835.168
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	-	72.210.344.963	72.210.344.963
Tăng từ tài sản cố định vô hình	9.714.364.000	-	9.714.364.000
Giảm khác	-	(744.916.575)	(744.916.575)
Tại ngày 31/12/2012	84.498.516.000	229.963.111.556	314.461.627.556
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.646.440.696	10.016.709.538	11.663.150.234
Khấu hao trong năm	1.481.410.746	4.534.445.037	6.015.855.783
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	-	1.110.303.287	1.110.303.287
Tại ngày 31/12/2012	3.127.851.442	15.661.457.862	18.789.309.304
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	81.370.664.558	214.301.653.694	295.672.318.252
Tại ngày 31/12/2011	73.137.711.304	148.480.973.630	221.618.684.934

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cừu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	599.000.000.000	519.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(49.193.259.934)	8.582.677.298
Chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty liên kết tại ngày mua (*)	9.245.301.847	4.622.650.923
Biến động tài sản thuần không trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (**)	(68.049.986.579)	(73.576.422.816)
	491.002.055.334	458.628.905.405
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	57.670.829.097	26.412.636.214
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	433.331.226.237	432.216.269.191

(*) Tổng Công ty đã xác định khoản lãi phát sinh tại ngày mua do chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") tại ngày đầu tư là 23.113.254.617 đồng. Ban Tổng Giám đốc quyết định phân bổ chênh lệch này vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty trong thời gian là 5 năm kể từ năm 2011, mỗi năm khoảng 4,6 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

(**) Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được kiểm toán của PVTEX, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ thời điểm mua (ngày 15 tháng 6 năm 2011) đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 275.303.789.391 đồng. Vì PVTEX đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản nên khoản chênh lệch tỷ giá trên không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán của PVTEX. Bên cạnh đó, tỷ lệ lợi ích thực tế của Tổng Công ty trong tài sản thuần của PVTEX tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 24,72%, nên giá trị đầu tư tại PVTEX đã được điều chỉnh giảm đồng thời một khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã được ghi nhận trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 68.049.986.579 đồng.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	TP. Cà Mau	35,63	35,63	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	TP. Hải Phòng	24,72	24,72	Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyeste

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng tài sản	7.498.251.259.345	7.117.435.446.917
Tổng công nợ	5.527.170.293.453	5.216.180.694.037
Tài sản thuần	1.971.080.965.892	1.901.254.752.880
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	491.002.055.334	458.628.905.405
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần	231.226.267.769	721.917.003.581
Lợi nhuận thuần	(151.017.268.293)	30.545.641.810
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	(51.464.263.407)	6.424.087.304

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Công ty	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	27,00%	57.373.067.921	34.241.357.921
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao - Văn hóa Dầu khí (PSCC)	10,00%	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP)	14,55%	4.750.000.000	4.750.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	6,78%	16.902.000.000	-
		83.625.067.921	43.591.357.921

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 nêu trên và xác định không có khoản đầu tư nào khác suy giảm giá trị, do vậy, Tổng Công ty không trích dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ	5.056.426.345	5.618.251.495
Trả trước tiền thuê đất Khu công nghiệp Nhơn Bình	5.945.813.969	6.098.825.828
Lợi thế kinh doanh	-	88.616.799.064
Vật tư phụ tùng thay thế	46.275.058.387	61.700.077.851
Chi phí đào tạo học viên cho Nhà máy Đạm Cà Mau	21.952.000	69.469.257.424
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.825.855.346	47.516.699.242
	79.125.106.047	279.019.910.904

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi VND	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn VND	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	-	-	11.823.362.873	2.838.695.574	14.662.058.447
Ghi nhận trong năm	27.535.816.822	3.870.212.860	9.917.092.256	(578.545.804)	40.744.576.134
Tại ngày 31/12/2012	27.535.816.822	3.870.212.860	21.740.455.129	2.260.149.770	55.406.634.581

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vietcombank - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	7.737.630.442	9.205.641.372
Vietinbank- Chi nhánh Cần Thơ (ii)	20.000.000.000	-
	27.737.630.442	9.205.641.372

(i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu được thực hiện dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 35.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được thả nổi theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (xem Thuyết minh số 10).

(ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với số tiền 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn phục vụ kinh doanh phân bón hóa chất. Khoản vay chịu lãi suất 8%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 07 tháng 01 năm 2013. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã sử dụng khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 323/HDTG ngày 29 tháng 12 năm 2012 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để đảm bảo cho khoản vay này.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	3.598.392.806	12.780.283.409
Thuế xuất, nhập khẩu	639.449.122	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.684.953.982	87.299.170.055
Thuế thu nhập cá nhân	1.634.856.165	6.885.813.006
Các loại thuế khác	3.350.038.002	9.959.741
	<u>123.907.690.077</u>	<u>106.975.226.211</u>

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phải nộp	Trong năm		Phải nộp
	31/12/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế	106.670.420.300	702.140.725.404	694.610.541.295	114.200.604.409
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.780.283.409	44.943.536.275	54.657.656.369	3.066.163.315
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	19.650.688.565	19.118.459.074	532.229.491
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.858.164.259	5.218.715.137	639.449.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	86.994.364.144	515.161.197.986	493.754.715.175	108.400.846.955
Thuế thu nhập cá nhân	6.885.813.006	78.829.736.595	87.503.672.077	(1.788.122.476)
Thuế tài nguyên	-	110.780.618	110.780.618	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	34.085.150.199	31.128.406.000	2.956.744.199
Thuế môn bài	-	39.479.302	39.479.302	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	432.915.468	432.915.468	-
Các loại thuế khác	9.959.741	3.029.076.137	2.645.742.075	393.293.803
Tổng cộng	106.670.420.300	702.140.725.404	694.610.541.295	114.200.604.409
<i>trong đó:</i>				
-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	106.975.226.211			123.907.690.077
-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	304.805.911			9.707.085.668
+) Thuế thu nhập cá nhân	-			3.422.978.641
+) Thuế thu nhập doanh nghiệp	304.805.911			6.284.107.027

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2013 (i)	151.714.209.145	72.380.000.004
Chi phí an sinh xã hội (ii)	73.570.862.067	38.283.665.997
Khác	80.605.234.552	88.571.690.612
	<u>305.890.305.764</u>	<u>199.235.356.613</u>

(i) Trong năm 2012, Tổng Công ty đã trích trước 79.334.209.141 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2013.

(ii) Theo Quyết định số 404/NQ-DKVN ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong năm, Tổng Công ty đã trích trước chi phí để thực hiện chương trình an sinh xã hội là 130 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 73.570.862.067 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	8.477.046.183	-
	<u>8.477.046.183</u>	<u>-</u>

Khoản vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ phục vụ đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất bao bì. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 25.310.821.434 đồng và được giải ngân nhiều lần. Thời hạn cho vay tối đa là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 29 tháng 5 năm 2012. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi áp dụng đối với tổ chức kinh tế bằng VND kỳ hạn 12 tháng của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (loại trả lãi cuối kỳ) cộng (+) 1%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (xem Thuyết minh số 10).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Chiênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn CSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư tại 01/01/2012	3.800.000.000.000		977.787.044		(83.961.341.647)		(74.411.767.146)		1.420.380.501.371		494.715.910.705		554.153.469		2.668.824.162.711		8.227.079.406.507	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		-		-		-		-		3.067.647.429.374		3.067.647.429.374	
Cổ phiếu quỹ mua trong năm (1)	-		-		(1.486.131.615)		-		-		-		-		-		(1.486.131.615)	
Trích từ lợi nhuận (2)	-		-		-		-		1.109.783.021.689		320.289.286.079		423.251.609		(1.430.495.559.377)		-	
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-		-		-		-		-		-		-		(403.379.204.930)		(403.379.204.930)	
Trả cổ tức (3)	-		-		-		-		-		-		-		(1.887.771.600.000)		(1.887.771.600.000)	
Tặng (giảm) khác	-		-		-		4.316.768.312		(24.895.749)		-		(8.298.584)		(3.753.890.870)		529.683.109	
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-		-		-		5.842		(4.708.156.088)		(2.060.472.458)		(203.409.973)		(35.718.070.796)		(42.690.103.473)	
Số dư tại 31/12/2012	3.800.000.000.000		977.787.044		(85.447.473.262)		(70.094.992.992)		2.525.430.471.223		812.944.724.326		765.696.521		1.975.353.266.112		8.959.929.478.972	

(1): Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện mua tổng số 64.880 cổ phiếu quỹ với giá bình quân mua vào là 22.906 đồng/cổ phiếu.

(2): Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng phúc lợi của Tổng Công ty và các Công ty con với số tiền tương ứng là 1.109.783.021.689 đồng, 320.289.286.079 đồng và 395.292.980.615 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con.

(3): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2012, Tổng Công ty đã công bố chỉ trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.321.533.540.000 đồng (2.500 đồng/cổ phần), trong đó tạm ứng cổ tức đợt 1 là 377.647.740.000 đồng (1.000 đồng/cổ phần) đã được thực hiện trong Quý 3/2011. Ngày 05 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty đã công bố về việc chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi trích lập các quỹ với số tiền là 943.885.800.000 đồng.

Đồng thời trong năm 2012, Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức cho năm tài chính 2012 với tổng số tiền 943.885.800.000 đồng, cụ thể: Ngày 19 tháng 9 năm 2012, tạm ứng đợt 1 với mức 1.500 đồng/cổ phần (15% mệnh giá) tương đương 566.331.480.000 đồng; Ngày 19 tháng 12 năm 2012, tạm ứng đợt 2 với mức 1.000 đồng/cổ phần (10% mệnh giá), tương đương 377.554.320.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	2.445.680	2.380.800
+ Cổ phiếu phổ thông	2.445.680	2.380.800
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	377.554.320	377.619.200
+ Cổ phiếu phổ thông	377.554.320	377.619.200
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.800.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp	
	VND	(%)	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.332.042.530.000	61,37	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	1.467.957.470.000	38,63	1.467.957.470.000	1.467.957.470.000
	<u>3.800.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>3.800.000.000.000</u>	<u>3.800.000.000.000</u>

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các Công ty con được xác định như sau:

	Công ty CP PBHCDK Miền Trung	Công ty CP PBHCDK Tây Nam Bộ	Công ty CP PBHCDK Đông Nam Bộ	Công ty CP PBHCDK Miền Bắc	Công ty CP Bảo bì Đạm Phú Mỹ	Công ty CP QL và PT nhà Dầu khí Miền Nam
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn điều lệ của công ty con	100.000.000.000	170.000.000.000	125.000.000.000	120.000.000.000	42.000.000.000	72.248.000.000
Trong đó:						
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	75.000.000.000	127.500.000.000	93.750.000.000	90.000.000.000	21.410.000.000	58.796.800.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	25.000.000.000	42.500.000.000	31.250.000.000	30.000.000.000	20.590.000.000	13.451.200.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	49,02%	18,62%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng tài sản	316.462.317.587	268.403.750.593
Tổng nợ phải trả	(110.901.141.285)	(83.526.648.517)
Tài sản thuần	205.561.176.302	184.877.102.076
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	162.791.200.000	162.791.200.000
Các quỹ khác	15.023.318.174	8.051.285.497
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.746.658.128	14.034.616.579

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012:

	Năm 2012 <u>VND</u>	Năm 2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	193.655.983.195	143.047.592.636
Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	50.796.229.783	36.318.726.268

Biến động của lợi ích cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Vốn khác thuộc chủ sở hữu <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn CSH <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2012	162.791.200.000	940.194.604	5.842	4.526.654.932	2.051.581.884	532.848.235	14.034.616.579	184.877.102.076
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	50.796.229.783	50.796.229.783
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	4.720.359.984	2.060.472.458	207.477.939	(6.988.310.381)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.086.224.115)	(8.086.224.115)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(22.006.029.247)	(22.006.029.247)
(Giảm) khác	-	-	(5.842)	(12.203.896)	-	(4.067.966)	(3.624.491)	(19.902.195)
Số dư tại ngày 31/12/2012	162.791.200.000	940.194.604	-	9.234.811.020	4.112.054.342	736.258.208	27.746.658.128	205.561.176.302

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối riêng biệt về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất bao gồm: Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.
- Sản xuất bao bì bao gồm: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Xây dựng công trình dân dụng và cung cấp dịch vụ khác bao gồm: Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam.

Các thông tin về bộ phận kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Kinh doanh phân bón và hóa chất		Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác		Điều chỉnh hợp nhất		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản							
Tài sản bộ phận	11.693.778.513.703	85.925.686.672	118.850.432.577	(1.809.044.773.709)	10.089.509.859.243		
Đầu tư vào Công ty liên kết	599.000.000.000	-	-	(107.997.944.666)	491.002.055.334		
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-		
Tổng tài sản	12.292.778.513.703	85.925.686.672	118.850.432.577	(1.917.042.718.375)	10.580.511.914.577		
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	2.537.222.950.823	31.992.345.236	37.167.193.133	(1.191.361.229.889)	1.415.021.259.303		
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-		
Tổng nợ phải trả	2.537.222.950.823	31.992.345.236	37.167.193.133	(1.191.361.229.889)	1.415.021.259.303		

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2012

	Kinh doanh phân bón và hóa chất VNĐ	Sản xuất bao bì VNĐ	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác VNĐ	Điều chỉnh hợp nhất VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.536.684.999.120	139.761.874.334	192.066.743.997	(17.434.651.613.894)	13.433.862.003.557
Các khoản giảm trừ doanh thu	253.457.226.669	-	-	(141.447.278.083)	112.009.948.586
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.283.227.772.451	139.761.874.334	192.066.743.997	(17.293.204.335.811)	13.321.852.054.971
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26.149.928.895.857	112.173.154.379	169.034.787.555	(17.433.770.384.287)	8.997.366.453.504
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.133.298.876.594	27.588.719.955	23.031.956.442	140.566.048.476	4.324.485.601.467
Doanh thu hoạt động tài chính	626.720.495.563	1.775.103.065	1.958.960.712	(62.108.244.841)	568.346.314.499
Chi phí tài chính	20.874.978.977	1.550.824.653	57.792.670	(15.480.851.438)	7.002.744.862
Chi phí bán hàng	672.794.662.081	4.122.402.993	1.612.096.779	(41.410.208.388)	637.118.953.465
Chi phí quản lý doanh nghiệp	660.371.309.963	14.251.947.560	16.212.274.747	(16.864.841.323)	673.970.690.947
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.405.978.421.136	9.438.647.814	7.108.752.958	152.213.704.784	3.574.739.526.692
Lợi nhuận khác	9.633.339.862	119.837.123	674.323.843	4.579.168.547	15.006.669.375
(Lỗ) từ công ty liên kết	-	-	-	(47.696.642.825)	(47.696.642.825)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.415.611.760.998	9.558.484.937	7.783.076.801	109.096.230.506	3.542.049.553.242
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	512.059.706.803	1.093.452.764	1.993.540.435	-	515.146.700.002
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(41.323.121.938)	-	-	578.545.804	(40.744.576.134)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.944.875.176.133	8.465.032.173	5.789.536.366	108.517.684.702	3.067.647.429.374

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu sản phẩm Đạm Phú Mỹ sang thị trường Campuchia và các thị trường trong khu vực Đông Nam Bộ, doanh thu bán hàng tại thị trường Campuchia là khoảng 180 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty là thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN**

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
Năm 2012			
Doanh thu thuần	12.266.371.295.753	1.055.480.759.218	13.321.852.054.971
Giá vốn hàng bán	(7.946.960.435.896)	(1.050.406.017.608)	(8.997.366.453.504)
Trong đó: Trích lập dự phòng	(2.378.232.612)	(1.863.689.430)	(4.241.922.042)
Lợi nhuận gộp	4.319.410.859.857	5.074.741.610	4.324.485.601.467
Năm 2011			
Doanh thu thuần	6.768.159.614.159	2.458.373.994.680	9.226.533.608.839
Giá vốn hàng bán	(2.760.887.985.242)	(2.430.366.647.241)	(5.191.254.632.483)
Trong đó: Trích lập dự phòng	-	(6.796.966.515)	(6.796.966.515)
Lợi nhuận gộp	4.007.271.628.917	28.007.347.439	4.035.278.976.356

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	8.276.212.412.521	6.453.361.559.024
Doanh thu Ure Cà Mau	3.535.949.440.237	-
Doanh thu Amoniac	-	36.273.170.013
Doanh thu điện	3.934.678.565	7.693.247.916
Doanh thu khác	562.284.713.016	323.159.407.509
	12.378.381.244.339	6.820.487.384.462
Chiết khấu thương mại	112.009.948.586	52.327.770.303
	12.266.371.295.753	6.768.159.614.159

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.435.431.008.397	2.179.431.068.686
Chi phí nhân công	432.001.285.618	391.133.521.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	212.835.006.048	190.196.427.163
Chi phí mua ngoài khác	1.089.868.917.039	384.713.811.134
Chi phí bằng tiền khác	351.694.809.540	601.504.421.761
	5.521.831.026.642	3.746.979.249.988

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	562.452.007.455	514.219.760.206
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.128.043.400	4.992.998.186
Khác	1.766.263.644	7.466.683.682
	568.346.314.499	526.679.442.074

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền vay	1.548.926.458	27.900.441.399
Chênh lệch tỷ giá	4.966.604.584	39.067.463.965
Khác	487.213.820	7.070.162.441
	7.002.744.862	74.038.067.805

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	482.588.578.713	369.042.805.384
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	47.008.541.958	-
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm (*)	(14.450.420.669)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	515.146.700.002	369.042.805.384

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ - Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm 2012 là năm thứ 5 Công ty mẹ - Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ 9 kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

(*) Theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính, các Công ty con của Tổng Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 100 người. Số thuế được giảm được xác định trên thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của các Công ty con với số tiền là 14.450.420.669 đồng.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.016.851.199.591	3.104.293.433.980
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	377.555.209	377.646.351
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.990	8.220

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	9.955.772.976	11.652.728.108
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	30.297.338.339	33.610.888.221
Sau năm năm	24.414.393.419	31.795.489.104
	64.667.504.734	77.059.105.432

Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 USD/năm.

Ngày 01 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê hàng tháng là 1.500 USD/tháng.

Ngày 10 tháng 6 năm 2011, Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Bắc - Công ty con của Tổng Công ty đã ký Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VĐKV/PVFCCo North về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tổng diện tích thuê là 623 m² với số tiền thuê là 11.001 USD/tháng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CAM KẾT KHÁC

- Theo Hợp đồng mua bán khí 188/2006-2007/PVGAS/TM-PVFCCO/B1 ngày 31 tháng 3 năm 2006 và các Phụ lục bổ sung với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, giá mua khí tại bể khí Cửu Long trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6,43 USD/MMBTU (từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011: 3,55 USD/MMBTU và từ ngày 01 tháng 04 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3,62 USD/MMBTU) và giá khí Nam Côn Sơn trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6,43 USD/MMBTU (từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2011: 3,84 USD/MMBTU và từ ngày 01 tháng 04 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3,91 USD/MMBTU).

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty con.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.629.375.858.166	4.070.456.552.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.525.586.860	232.795.849.099
Đầu tư ngắn hạn	62.077.046.183	202.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	83.625.067.921	43.591.357.921
Tài sản tài chính khác	359.886.496	266.713.819
Tổng cộng	5.869.963.445.626	4.549.110.473.182
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	36.214.676.625	9.205.641.372
Phải trả người bán và phải trả khác	443.807.357.430	354.327.863.506
Chi phí phải trả	305.890.305.764	199.235.356.613
Tổng cộng	785.912.339.819	562.768.861.491

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	301.172.880	4.260.029.420	64.381.819.564	147.465.726.357
Euro (EUR)	-	150.052.595	6.940.940.364	39.588.091

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/(giảm) 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm năm tài chính và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lợi nhuận trong năm của Tổng Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	6.408.064.668	14.320.569.694
Euro (EUR)	694.094.036	(11.046.450)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đề đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu, và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có một số khoản rủi ro tín dụng bao gồm: phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) về ủy thác vốn đầu tư và lãi ủy thác dự thu với số tiền 110.143.267.289 đồng; phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan tiền ứng trước mua hàng hóa với số tiền 9.153.800.000 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.629.375.858.166	-	5.629.375.858.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.525.586.860	-	94.525.586.860
Đầu tư ngắn hạn	62.077.046.183	-	62.077.046.183
Đầu tư dài hạn khác	-	83.625.067.921	83.625.067.921
Tài sản tài chính khác	66.630.852	293.255.644	359.886.496
Tổng cộng	5.786.045.122.061	83.918.323.565	5.869.963.445.626
31/12/2012			
Các khoản vay	27.737.630.442	8.477.046.183	36.214.676.625
Phải trả người bán và phải trả khác	443.807.357.430	-	443.807.357.430
Chi phí phải trả	305.890.305.764	-	305.890.305.764
Tổng cộng	777.435.293.636	8.477.046.183	785.912.339.819
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.008.609.828.425	75.441.277.382	5.084.051.105.807

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.070.456.552.343	-	4.070.456.552.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	232.795.849.099	-	232.795.849.099
Đầu tư ngắn hạn	202.000.000.000	-	202.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	43.591.357.921	43.591.357.921
Tài sản tài chính khác	103.419.619	163.294.200	266.713.819
Tổng cộng	4.505.355.821.061	43.754.652.121	4.549.110.473.182
31/12/2011			
Các khoản vay	9.205.641.372	-	9.205.641.372
Phải trả người bán và phải trả khác	354.327.863.506	-	354.327.863.506
Chi phí phải trả	199.235.356.613	-	199.235.356.613
Tổng cộng	562.768.861.491	-	562.768.861.491
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.942.586.959.570	43.754.652.121	3.986.341.611.691

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2012 VND	2011 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.214.420.050.375	499.313.154.111
<i>Cổ tức trả Tập đoàn</i>	<i>1.166.021.265.000</i>	<i>466.408.506.000</i>
<i>Phí Quản lý nộp Tập đoàn</i>	<i>48.398.785.375</i>	<i>32.904.648.111</i>
Bán đạm và hóa chất cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	409.430.742.098	373.924.660.745
Mua hàng hoá và dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	9.653.025.001	190.620.250.351
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam	-	36.942.483.601
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	101.231.043.027	161.917.824.793
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	1.940.297.422.598	-
Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Cà Mau	1.350.160.602.745	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.693.346.460.631	1.926.771.062.298

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

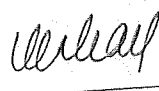
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	-	7.033.309.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	260.220.695.802	195.468.590.693
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	-	18.285.400.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	-	11.043.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	28.263.134.703	15.042.870.801
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	-	11.000.000.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	8.112.540.000
Phải thu khách hàng		
Phải thu Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.297.635.200	1.353.902.194
Phải thu Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	15.066.367.956	-
Trả trước cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	-	3.012.188.600
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	-	100.335.295.400
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - CN Thành phố Hồ Chí Minh	-	13.496.025.035
Phải thu khác		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	185.343.111	19.012.777.778
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	-
Ủy thác quản lý vốn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	-	177.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí	<u>8.477.046.183</u>	<u>595.000.000.000</u>

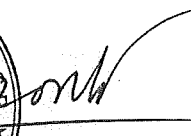
35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.


 Nguyễn Lê Ngọc Giang
 Người lập biểu

Ngày 08 tháng 3 năm 2013


 Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Tòng
 Phó Tổng Giám đốc